

Số: 14 /QĐ-MNVH

Tân Bình, ngày 14 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2020 của Trường Mầm Non Vườn Hồng

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông báo số 74/TB-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Bình về thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2020 của trường Mầm non Vườn Hồng;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính- Kế hoạch Quận Tân Bình,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 của trường Mầm non Vườn Hồng (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hiệu trưởng, kế toán và các bộ phận có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu :VT, KT



Lưu Thị Thành

Đơn vị: Trường Mầm Non Vườn Hồng

Chương:622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC năm 2020

(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-MNVH ngày 22/4/2021 của trường Mầm non Vườn Hồng)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	3.714,708	3.714,708	0,000	
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.714,708	3.714,708	0,000	
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.714,708	3.714,708	0,000	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.558,897	2.558,897	0,000	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.155,811	1.155,811	0,000	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
MẦM NON
VƯỜN HỒNG
Luu Thị Thành

Tân Bình, ngày 22 tháng 4 năm 2021

THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-MNVH)

I. Kinh phí hoạt động thường xuyên (nguồn 13)	:	1.935.261.000 đồng
- Tiền lương	:	945.006.812 đồng
- Phụ cấp lương	:	286.037.083 đồng
- Tiền thưởng	:	12.120.000 đồng
- Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	:	226.829.138 đồng
- Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	:	190.000.000 đồng
- Thanh toán dịch vụ công cộng	:	49.585.081 đồng
- Vật tư văn phòng	:	11.546.000 đồng
- Thông tin tuyên truyền liên lạc	:	1.955.997 đồng
- Công tác phí	:	12.000.000 đồng
- Chi phí thuê mướn	:	21.500.000 đồng
- Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	:	48.563.000 đồng
- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	:	0 đồng
- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	:	53.548.000 đồng
- Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và ĐVSN có thu theo chế độ quy định	:	71.541.139 đồng
- Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	:	5.028.750 đồng
II. Kinh phí hoạt động thường xuyên (nguồn 14):	:	623.635.926 đồng
- Chi chênh lệch MLCS theo Nghị định số ...	:	330.871.598 đồng
- Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018	:	292.764.328 đồng
III. Kinh phí hoạt động không thường xuyên (nguồn 12)	:	1.155.811.353 đồng
- Chi phụ cấp thâm niên nhà giáo	:	124.735.372 đồng
- Chi hỗ trợ MN theo NQ 01, NQ 04	:	469.181.911 đồng
- Chi sửa học đường	:	0 đồng
- Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	:	29.066.928 đồng
- Chi trợ cấp tết	:	46.200.000 đồng
- Chi phí thuê đào tạo lại cán bộ (GV học TC LLCT)	:	9.828.000 đồng
- Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	:	412.357.000 đồng
- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn (Máy photo : 34.982.442đ - máy vi tính : 12.459.700đ)	:	47.442.142 đồng
- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành : Kệ lớp học : 17.000.000đ)	:	17.000.000 đồng

Hiệu trưởng

Lưu Thị Thành